| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẠC LIÊU**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 02 năm 2024
V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Yến Nhi
*Các hội thẩm nhân dân*: Bà Khưu Liên Dung
Bà Dư Thị Út

*Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đoan T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
- Bị đơn: Ông Lâm Hữu T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Đoan T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 7, thị xã Bạc Liêu (thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2007, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã và hơn nữa ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 27/02/2008 và Lâm Hữu T, sinh ngày 18/12/2016 (Hiện 02 con chung đang sống cùng bà T). Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N và cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2023 và trong quá trình tham gia giải quyết vụ án ông Lâm Hữu T là bị đơn trong vụ án trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến của bà T về quá trình chung sống vợ chồng từ năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 7, thị xã Bạc Liêu (thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08/5/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra, ông T xác định ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, thương con. Việc ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác chỉ là quen qua đường chứ không có ý định bỏ vợ bỏ con.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 27/02/2008 và Lâm Hữu T, sinh ngày 18/12/2016 (Hiện 02 con chung đang sống cùng bà T). Khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà T và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn và đã ly thân một thời gian dài, không thể hàn gắn được nên việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 27/02/2008 và Lâm Hữu T, sinh ngày 18/12/2016 (Hiện 02 con chung đang sống cùng bà T). Bà T yêu cầu được nuôi cháu N và cháu T, ông T cũng đồng ý kiến giao 02 con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu N, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu T cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N và cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị Đoan T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Lâm Hữu T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T hiện đang cư trú tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Đoan T và bị đơn ông Lâm Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn là ông T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Đoan T và ông Lâm Hữu T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/5/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thị xã Bạc Liêu, (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng bà T và ông T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng do hiện nay ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, bà T và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có xảy ra trên thực tế. Vì vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng ông T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà T và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hơn nữa bà T và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 27/02/2008 và Lâm Hữu T, sinh ngày 18/12/2016 (Hiện nay 02 cháu N và T đang sống cùng bà Trang). Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông T cũng đồng ý giao cháu N và cháu T cho bà T. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và cháu N, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ nên có cơ sở giao cháu N và cháu T cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông Tài phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lâm Tâm N và cháu Lâm Hữu T mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N và cháu T đủ 18 tuổi. Theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116, 117,118 của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết

vụ án, ông T thừa nhận bản thân làm bảo vệ với thu nhập mỗi tháng 4.200.000 đồng và ông T có xe tải chở thuê cho người khác thu nhập thêm mỗi tháng là từ 8.000.000 đồng – 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, với mức thu nhập như ông T thừa nhận thì mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T đưa ra là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[8] *Về án phí*: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và ông T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

[9] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 5, 28, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1/.** Về hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị Đoan T được ly hôn với ông Lâm Hữu T.

**2/.** Về con chung: Giao cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Lâm Hữu T, sinh ngày 18/12/2016 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện nay cháu N và cháu T đang sống cùng bà T). Ông Lâm Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3/.** Về cấp dưỡng: Buộc ông Lâm Hữu T cấp dưỡng cho cháu Lâm Tâm N và cháu Lâm Hữu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/cháu kể từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi cháu N và cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu them tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**4/.** Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**5./** Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**6/.** Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trương Thị Đoan T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001906 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

- Án phí cấp dưỡng: Buộc ông Lâm Hữu T phải nộp 300.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**7/.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- THA TP. Bạc Liêu;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Lê Yến Nhi**